

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BA  
( Họp từ ngày 15 đến ngày 16 /12/2004)

**NGHỊ QUYẾT**

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ ĐO ĐẠC, LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU VỀ ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003.

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/PL- UBTWQH10, ngày 28/8/2001 và Nghị định số 57/2002/ NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí và lệ phí.

Sau khi xem xét tờ trình số: 272/ TT- UB, ngày 13/ 12/ 2004 của UBND tỉnh Hà Giang “về việc phê duyệt mức thu, quản lý và sử dụng phí đo đạc lập bản đồ địa chính, phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất, phí khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai”

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang thảo luận và nhất trí

**QUYẾT NGHỊ**

Phê duyệt mức thu, quản lý và sử dụng phí đo đạc lập bản đồ địa chính, phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất, phí khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

**A- ĐỐI TƯỢNG ; MỨC THU**

**I- Phí đo đạc lập bản đồ địa chính**

**1- Đối tượng áp dụng:**

Là các chủ dự án đầu tư với mục đích sản xuất kinh doanh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng đất có sử dụng toạ độ địa chính cơ sở, bản đồ địa chính của nhà nước để lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Trừ trường hợp chủ dự án tự bỏ kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính (do cơ quan có giấy phép hành nghề đo đạc, lập bản đồ), đảm bảo qui phạm để lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

**2- Định mức thu:** Qui định theo diện tích đất sử dụng, cụ thể:

STT	Diện tích sử dụng	Mức thu phí theo từng loại bản đồ		
		Bản đồ tỷ lệ 1/500	Bản đồ Tỷ lệ 1/1000, 1/2000	Bản đồ Tỷ lệ 1/5.000, 1/10.000
1	$\leq 1.000 \text{ m}^2$	800 đ/ $\text{m}^2$	200 đ/ $\text{m}^2$	50 đ/ $\text{m}^2$
2	$>1.000 - 10.000 \text{ m}^2$	500 đ/ $\text{m}^2$	100 đ/ $\text{m}^2$	30 đ/ $\text{m}^2$
3	$>10.000-50.000 \text{ m}^2$	200 đ/ $\text{m}^2$	50 đ/ $\text{m}^2$	20 đ/ $\text{m}^2$
4	$>50.000-150.000 \text{ m}^2$	100 đ/ $\text{m}^2$	30 đ/ $\text{m}^2$	15 đ/ $\text{m}^2$
5	$> 150.000 \text{ m}^2$	50 đ/ $\text{m}^2$	20 đ/ $\text{m}^2$	10 đ/ $\text{m}^2$

## II- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất

### 1- Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*áp dụng đối với cả việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức và cá nhân xin giao đất, thuê đất, được hợp thức hoá công nhận quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất*).

### 2- Định mức thu:

Được qui định dựa trên từng công việc và diện tích:

a) *Giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất sản xuất, kinh doanh, trụ sở làm việc*

Diện tích ( $\text{m}^2$ )	Mức Thu
$\leq 1.000 \text{ m}^2$	100.000 đ/ hồ sơ
$> 1.000- 10.000 \text{ m}^2$	200.000 đ/ hồ sơ
$>1.000- 50.000 \text{ m}^2$	500.000 đ/ hồ sơ
$>50.000 -150.000 \text{ m}^2$	1.000.000 đ/ hồ sơ
$>150.000 \text{ m}^2$	2.000.000 đ/ hồ sơ

b) *Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở các hộ gia đình.*

- Đối với các phường của thị xã Hà Giang, các thị trấn và các xã nơi UBND huyện đóng trụ sở mức thu: 50.000 đồng/ hồ sơ

- Đối với khu vực các xã còn lại mức thu: 35.000 đồng/ hồ sơ

c) *Cấp giấy CN quyền sử dụng đất (áp dụng cả cấp đổi và cấp lại)*

- Đối với khu vực các phường của thị xã Hà Giang, thị trấn và các xã nơi UBND huyện đóng trụ sở mức thu 50.000 đồng/ một GCN.

- Đối với khu vực các xã còn lại mức thu 35.000 đồng/ một GCN

## III- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

1- *Đối tượng áp dụng.* Các tổ chức, cá nhân chủ dự án có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

### 2 - Định mức thu:

- Hồ sơ, tài liệu thông thường: 100.000 đồng/ hồ sơ, tài liệu.
- Hồ sơ, tài liệu phức tạp lưu trữ lâu năm hoặc tài liệu khoa học có tính bản quyền trí tuệ cao của ngành: 200.000 đồng/ hồ sơ, tài liệu  
(Hai mức thu trên chưa bao gồm chi phí in ấn, sao chép hồ sơ, tài liệu)

#### **B- ĐƠN VỊ THU.**

Sở Tài nguyên- Môi trường thu đối với các trường hợp đo đạc lập bản đồ địa chính, thẩm định cấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và khai thác sử dụng tài liệu đất đai do Sở Tài nguyên- Môi trường tỉnh quản lý.

Phòng Tài nguyên- Môi trường các huyện, thị xã thu đối với các trường hợp đo đạc lập bản đồ địa chính, thẩm định cấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền cấp huyện và khai thác sử dụng tài liệu đất đai do phòng tài nguyên và môi trường các huyện, thị xã quản lý.

#### **C- SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN THU:**

##### **1- Sử dụng phí:**

**1.1-** Đơn vị thu được giữ lại 20% tổng số phí thu được để sử dụng vào các nội dung chi phục vụ công tác thu phí sau đây:

a) Chi trả thù lao cho cán bộ, công chức, nhân viên đảm nhận thêm công việc thu phí ngoài nhiệm vụ chuyên môn được giao (*bao gồm cả làm thêm giờ*).

b) Trích quỹ khen thưởng cho cán bộ, công chức, nhân viên của đơn vị thu phí. Mức trích quỹ khen thưởng bình quân một năm, một người tối đa không quá một tháng lương thực hiện.

c) Chi sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp công tác thu phí.

d) Chi mua văn phòng phẩm phục vụ công tác thu phí.

đ) Chi khác liên quan trực tiếp đến công tác thu phí.

**1.2 -**Số còn lại 80% tổng số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước.

**2- Quản lý phí:** Thực hiện theo qui định hiện hành

#### **D- THỜI GIAN THỰC HIỆN: Từ ngày 01/01/ 2005.**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, khoá XV, kỳ họp thứ Ba, thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2004./

**T/M HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
CHỦ TỊCH**

  
Nguyễn Việt Xuân